

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17-8-2020

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hồng Gấm;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 180/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy U, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp Đ, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Thanh S, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 5, khu phố 4, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy U trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy U và ông Võ Thanh S tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2017 ngày 23/10/2017. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông S thường xuyên uống rượu bia không về nhà, không quan tâm, chăm sóc gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 12 năm 2019 đến nay.

Trong thời gian vợ chồng ly thân, ông S cũng không thăm hỏi, không trợ cấp nuôi con. Nay bà U nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà U yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà U và ông S có một con chung tên Võ Thanh D, sinh ngày 22/8/2018. Hiện nay, cháu D đang ở cùng với bà U. Do đó, bà U yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con. Về cấp dưỡng nuôi con: bà U yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt, niêm yết đầy đủ văn bản tố tụng cho ông Võ Thanh S theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông S không đến Tòa án để làm việc, hòa giải. Ngày 17/8/2020, ông Võ Thanh S có bản tự khai trình bày: Thống nhất thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như lời trình bày của bà U, xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống, mong muốn được ly hôn với bà U; về con chung: Đồng ý giao con chung tên Võ Thanh D, sinh ngày 22/8/2018 cho bà U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà U và ông S vắng mặt, có đơn xin Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng quy định.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Thúy U và ông Võ Thanh S tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Bà U và ông S đều có văn bản xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Ông S cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà U nên yêu cầu của bà U là có căn cứ. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Thanh Duy, sinh ngày 22/8/2020, hiện cháu Duy ở chung với bà U, bà U yêu cầu tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con và được ông S đồng ý nên giao con chung cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, bà U yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/ tháng đến khi con đủ 18 tuổi, được ông S đồng ý là phù hợp quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của bà U, quan hệ pháp luật được xác định là ly hôn, tranh chấp nuôi con; bị đơn cư trú tại phường H, thị xã T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy U và ông Võ Thanh S có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2017 ngày 23/10/2017 là hôn nhân hợp pháp. Bà U và ông S đã ly thân từ tháng 12 năm 2019 đến nay. Bà U và ông S đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà U khởi kiện yêu cầu được ly hôn, ông S đồng ý. Do vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà U và ông S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc bà U yêu cầu ly hôn với ông S là có căn cứ, phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà U và ông S có một con chung tên Võ Thanh D, sinh ngày 22/8/2018. Hiện nay, cháu D đang ở cùng với bà U, điều kiện chăm sóc được đảm bảo. Mặt khác, ông S có ý kiến đồng ý giao con cho bà U tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà U yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi và ông S có văn bản đồng ý. Do đó, yêu cầu của bà U là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy U phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Võ Thanh S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy U với bị đơn ông Võ Thanh S về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy U được ly hôn với ông Võ Thanh S.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Võ Thanh D, sinh ngày 22/8/2018 cho bà Nguyễn Thị Thúy U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Võ Thanh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) đến khi con đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị Thúy U và ông Võ Thanh S đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thúy U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0038091 ngày 05/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Ông Võ Thanh S phải chịu 300.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Nga

